VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 78 /2026/VBHN-TT-BNNMT

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định chứng nhận thuỷ sản, sản phẩm thủy sản xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ

Thông tư số 74/2025/TT-BNNMT ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chứng nhận thủy sản, sản phẩm thủy sản xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ, có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 12 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT ngày 04 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017, Luật sửa đổi, bổ sung 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuỷ sản và Kiểm ngư;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định chứng nhận thủy sản, sản phẩm thủy sản xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ[1].

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc chứng nhận thuỷ sản, sản phẩm thủy sản đáp ứng yêu cầu về bảo vệ các loài thú biển để xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ hoặc vào các nước khác để xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ khi có yêu cầu.

---

[1] Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT, có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuỷ sản và Kiểm ngư;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản."

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khai thác, nuôi trồng, thu mua, sơ chế, chế biến, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản, sản phẩm thủy sản để xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ hoặc vào các nước khác theo yêu cầu.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới dây được hiểu như sau:

1. Giấy chứng nhận thuỷ sản, sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu xuất khẩu vào Hoa Kỳ - Certification of admissibility (sau đây gọi tắt là COA) là mẫu giấy theo hướng dẫn của Hoa Kỳ, được sử dụng cho một số thủy sản, sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang Hoa Kỳ hoặc các nước khác có yêu cầu để xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ nhằm chứng nhận thủy sản, sản phẩm thủy sản không thuộc diện cấm nhập khẩu vào Hoa Kỳ.

2. Thủy sản, sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang Hoa Kỳ là các sản phẩm chế biến từ nguồn nguyên liệu khai thác, nuôi trồng trong nước; nguồn nguyên liệu khai thác, nuôi trồng nhập khẩu để sơ chế, chế biến làm thay đổi xuất xứ quốc gia xuất khẩu.

3. Mã HTS là mã sản phẩm theo biểu thuế hài hòa do Hoa Kỳ ban hành nhằm phân loại hàng hóa, xác định thuế và thu thập dữ liệu về thương mại quốc tế của Hoa Kỳ.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. COA được thực hiện theo đề nghị của tổ chức/cá nhân khi có nhu cầu. Cơ quan có thẩm quyền xác minh các thông tin trong hồ sơ do tổ chức, cá nhân kê khai, nộp kèm Đơn đề nghị và cấp COA để chứng nhận thủy sản, sản phẩm thủy sản không thuộc diện cấm nhập khẩu vào Hoa Kỳ.

2. COA là một trong những tài liệu bổ sung cho việc nhập khẩu một số sản phẩm thủy sản vào Hoa Kỳ và các nước khác có yêu cầu như một phần của hệ thống theo dõi và xác minh của quốc gia đó. COA được sử dụng để đảm bảo việc khai thác thủy sản ở Việt Nam hoặc khai thác từ quốc gia khác không bị cấm nhập khẩu tuân thủ các yêu cầu nhập khẩu theo Đạo luật bảo vệ thú biển của Hoa Kỳ và hệ thống theo dõi, xác minh của các quốc gia khác có yêu cầu sử dụng COA. Thời điểm cấp COA không bắt buộc trước thời điểm tổ chức, cá nhân làm thủ tục xuất khẩu thủy sản, sản phẩm thủy sản.

3. Không cấp COA cho thuỷ sản, sản phẩm thuỷ sản thuộc danh mục cấm nhập khẩu của Hoa Kỳ khi trùng khớp toàn bộ các yếu tố sau: thông tin về quốc gia khai thác, tên loài, nghề/ngư cụ khai thác, khu vực/vùng khai thác.

Điều 5. Cơ quan có thẩm quyền cấp COA

Cơ quan có thẩm quyền cấp COA là cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh.

Điều 6. Hồ sơ thực hiện cấp COA[2]

Tổ chức, cá nhân được lựa chọn một trong các cơ quan thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này để nộp hồ sơ đề nghị cấp COA. Hồ sơ được phân chia thành các trường hợp sau:

1. Trường hợp sử dụng nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước để chế biến, xuất khẩu thuộc danh sách phải cấp COA (trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này), hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp COA theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy biên nhận sản phẩm bốc dỡ qua cảng hoặc Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác hoặc Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (*Catch Certificate - CC).*

2. Trường hợp sử dụng nguyên liệu thủy sản có nguồn gốc khai thác, được nhập khẩu để chế biến, xuất khẩu thuộc danh sách phải cấp COA (trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này), hồ sơ gồm Đơn đề nghị cấp COA theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và một trong các giấy tờ sau:

a) Giấy chứng nhận của thuyền trưởng (*Captain's statement*) kèm bản sao Giấy phép khai thác thủy sản của tàu khai thác đó đối với trường hợp nguyên liệu có nguồn gốc từ khai thác.

Nội dung Giấy chứng nhận của thuyền trưởng phải thể hiện tối thiểu các thông tin sau: Tên tàu; số đăng ký tàu hoặc số IMO hoặc số hô hiệu quốc tế hoặc số đăng ký tổ chức quản lý nghề cá khu vực (nếu có); quốc gia treo cờ; loại ngư cụ; thời gian và khu vực khai thác. Giấy chứng nhận của Thuyền trưởng phải có chữ ký của thuyền trưởng tàu khai thác thủy sản và thông tin số đăng ký tàu hoặc số IMO hoặc hô hiệu quốc tế hoặc số đăng ký tổ chức quản lý nghề cá khu vực phải trùng khớp với thông tin trên Giấy phép khai thác thủy sản của tàu cá đó;

b) COA do nước có tàu khai thác thủy sản cấp;

c) Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (*Catch Certificate-CC*) hoặc Báo cáo khai thác thủy sản (*Reported Catch-RC*) do nước có tàu khai thác thủy sản cấp.

3. Trường hợp sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc từ nuôi trồng thủy sản để chế biến, xuất khẩu thuộc danh sách phải cấp COA (trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này), hồ sơ gồm Đơn đề nghị cấp COA theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và một trong các giấy tờ sau:

a) Đối với nguyên liệu có nguồn gốc từ nuôi trồng thủy sản trong nước: Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực hoặc

[2] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc Cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền ở địa phương) hoặc Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản hoặc Giấy chứng nhận nuôi trồng thủy sản tốt của cơ sở nuôi trồng thủy sản;

b) Đối với nguyên liệu có nguồn gốc từ nuôi trồng thủy sản nhập khẩu: Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (*Certificate of Origin-C/O*) hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật (đối với thủy sản sống) hoặc Giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm (*Health certificate*) hoặc Giấy chứng nhận cơ sở nuôi trồng thủy sản hoặc Giấy đăng ký cơ sở nuôi trồng thủy sản hoặc Mã số cơ sở nuôi trồng thủy sản.

4. Trường hợp sử dụng nguyên liệu là các loài thủy sản thuộc danh sách phải cấp COA nhưng không thuộc danh mục cấm nhập khẩu của Hoa Kỳ, hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp COA theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hợp đồng mua bán nguyên liệu phục vụ chế biến hoặc hóa đơn tài chính hoặc bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ (đối với trường hợp thu mua trực tiếp từ người khai thác, nuôi trồng thủy sản trong nước là đối tượng không phải xuất hóa đơn theo quy định).

Điều 7. Trình tự, thủ tục cấp COA

1. Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp COA theo quy định tại Điều 6 Thông tư này đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh qua các cách thức sau đây:

a) Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa;

b) Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật;

c) Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2.[3] Hình thức nộp hồ sơ:

a) Trường hợp nộp hồ sơ theo cách thức quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân nộp đơn đề nghị là bản chính, hồ sơ kèm theo là bản sao.

Đối với thành phần hồ sơ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6, tổ chức, cá nhân nộp kèm bản chính để cơ quan thẩm quyền thực hiện xác nhận trực tiếp vào các thành phần hồ sơ đã nộp đối với khối lượng nguyên liệu còn lại và trả lại bản chính khi trả hồ sơ cấp COA. Trường hợp hồ sơ là giấy tờ được xác lập trên

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

môi trường điện tử, tổ chức, cá nhân không phải gửi bản chính kèm theo; cơ quan thẩm quyền thực hiện xác nhận khối lượng nguyên liệu còn lại trên hệ thống truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác điện tử;

b) Trường hợp nộp hồ sơ theo cách thức quy định tại điểm c khoản 1 Điều này: Các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc tài liệu sao chụp lại bản chính, bản sao.

Đối với thành phần hồ sơ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6, tổ chức, cá nhân gửi bản chính đến cơ quan thẩm quyền nơi nộp hồ sơ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện xác nhận trực tiếp vào các thành phần hồ sơ đã nộp đối với khối lượng nguyên liệu còn lại và trả lại bản chính khi trả hồ sơ cấp COA. Trường hợp hồ sơ là giấy tờ được xác lập trên môi trường điện tử, tổ chức, cá nhân không phải gửi bản chính kèm theo; cơ quan thẩm quyền thực hiện xác nhận khối lượng nguyên liệu còn lại trên hệ thống truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác điện tử;

c) Tổ chức, cá nhân được nộp kết hợp các giấy tờ nêu tại điểm b khoản 1, khoản 2, khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 6 trong cùng một lần đề nghị cấp COA.

3.[4] Trường hợp hồ sơ là tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch sang tiếng Việt (trừ tài liệu bằng tiếng Anh hoặc song ngữ có tiếng Anh). Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản dịch; bản dịch có đóng dấu giáp lai hoặc chữ ký nháy của tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ vào toàn bộ các trang.

4. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ đã nộp.

5. Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp tại điểm a khoản 1 Điều này; trả lời bằng văn bản về tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đối với trường hợp điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.

6. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh tiến hành thẩm định hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Thông tư này và cấp chứng nhận theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không cấp COA thì phải có thông báo bằng văn bản, trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do.

Điều 8. Nội dung thẩm định để cấp COA[5]

Cơ quan có thẩm quyền cấp COA sau khi tiếp nhận hồ sơ tổ chức thẩm định theo các bước sau:

1. Đối chiếu thông tin đã kê khai trên bảng kê thông tin nộp kèm Đơn đề nghị cấp COA với các tài liệu nộp kèm theo hồ sơ.

---

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

[5] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

a) Trường hợp thông tin trên đơn đề nghị không chính xác, không phù hợp với hồ sơ nộp kèm theo thì trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do;

b) Trường hợp thông tin trên đơn đề nghị chính xác, phù hợp với hồ sơ đã nộp kèm theo thì tiếp tục phân loại theo khoản 2 Điều này.

2. Phân loại nguồn gốc nguyên liệu để xử lý hồ sơ:

a) Trường hợp nguyên liệu được sử dụng để chế biến không thuộc danh mục cấm nhập khẩu của Hoa Kỳ thì xem xét cấp COA.

Danh mục cấm nhập khẩu của Hoa Kỳ được công bố, cập nhật, bổ sung trên trang thông tin điện tử: https://www.fisheries.noaa.gov/resource/outreach-materials/harmonized-tariff-codes-and-other-resources-marine-mammal-protection.";

b) Trường hợp nguyên liệu được sử dụng chế biến thuộc danh mục cấm nhập khẩu của Hoa Kỳ thì tiếp tục thẩm định theo khoản 3 Điều này.

3. Thực hiện thẩm định và trả kết quả theo các trường hợp sau:

a) Trường hợp nguyên liệu được sử dụng có nguồn gốc từ các nước đã được Hoa Kỳ công bố tương đương (Nhóm I) hoặc có nguồn gốc từ nuôi trồng thủy sản (bao gồm cả trong nước và nhập khẩu từ các nước thuộc Nhóm II) thì xem xét cấp COA. Danh sách các quốc gia thuộc Nhóm I, Nhóm II được Hoa Kỳ công bố, cập nhật, bổ sung trên trang thông tin điện tử: https://www.fisheries.noaa.gov/international-affairs/marine-mammal-protection-act-comparability-finding-determinations-harvesting;

b) Trường hợp thông tin về nghề/ngư cụ, quốc gia khai thác, khu vực/vùng khai thác có một hoặc nhiều hơn một thông tin khác với thông tin đã được công bố trong danh mục cấm nhập khẩu của Hoa Kỳ thì xem xét cấp COA trên cơ sở thẩm định hồ sơ nguồn gốc nguyên liệu nộp kèm;

c) Trường hợp thông tin về loài, nghề/ngư cụ khai thác, quốc gia khai thác, khu vực/vùng khai thác trùng khớp với thông tin đã được công bố trong danh mục cấm nhập khẩu của Hoa Kỳ thì không cấp COA.

Điều 9. Thu hồi, sửa đổi, bổ sung thông tin, cấp lại COA

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp COA quyết định thu hồi COA trong các trường hợp sau:

a) COA đã cấp được phát hiện bị gạch, xóa, thay đổi thông tin trên (trừ trường hợp sửa đổi, bổ sung thông tin quy định tại khoản 2 Điều này);

b) Tổ chức, cá nhân được cấp COA sử dụng không đúng mục đích, không đúng chủng loại thủy sản, sản phẩm thủy sản đã chứng nhận;

c) Có bằng chứng xác thực hồ sơ, tài liệu, thông tin từ tổ chức, cá nhân cung cấp là giả mạo.

2. Trường hợp sửa đổi, bổ sung thông tin trên COA đã cấp hoặc có sự thay đổi biểu mẫu do Hoa Kỳ công bố khi COA đã được cấp, tổ chức, cá nhân nộp lại đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và hồ sơ bổ sung (nếu có) kèm theo bản gốc COA đã cấp. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung thông tin trên COA thực hiện theo Điều 7 Thông tư này.

3. Trường hợp mất bản gốc hoặc bản gốc bị hư hỏng đến mức không thể sử dụng, tổ chức, cá nhân nộp lại đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này cho cơ quan đã cấp COA, nêu rõ lý do. Trên cơ sở hồ sơ lưu trữ, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp lại COA cho tổ chức, cá nhân.

4. Tổ chức, cá nhân tra cứu hiệu lực của COA trên cổng thông tin điện tử của Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường bằng cách sử dụng mã QR hoặc số ký hiệu COA để tìm kiếm.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Trách nhiệm của Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn các Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh thực hiện quy trình cấp COA;

b) Đăng tải Danh sách các quốc gia và nghề cá cấm xuất khẩu sang Hoa Kỳ trên cổng thông tin điện tử của cơ quan để tổ chức, cá nhân tra cứu, sử dụng;

c) Đăng tải danh sách các mã HTS theo quy định của Hoa Kỳ phải có COA trên cổng thông tin điện tử của cơ quan để các tổ chức, cá nhân tra cứu sử dụng;

d) Tổng hợp danh sách các cơ quan có thẩm quyền được chỉ định cấp COA để cung cấp cho Hoa Kỳ theo định kỳ hoặc khi có thay đổi thông tin;

đ) Cập nhật, cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin liên quan đến việc thực hiện theo yêu cầu của Đạo Luật bảo vệ thú biển của Hoa Kỳ;

e)[6] Tổ chức kiểm tra hoạt động cấp COA tại các địa phương, doanh nghiệp theo thẩm quyền, quy định của pháp luật Việt Nam và khi cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ yêu cầu;

g)[7] Xây dựng, hướng dẫn địa phương, doanh nghiệp cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu về COA; phối hợp với Cục Chuyển đổi số thực hiện cung cấp dịch vụ công toàn trình, cấp COA điện tử trực tiếp trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh

a) Tổ chức thực hiện cấp Giấy chứng nhận thủy sản, sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu xuất khẩu vào Hoa Kỳ (COA) theo quy định;

---

[6] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

[7] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

b) Cung cấp thông tin tên đơn vị, người có thẩm quyền, địa chỉ cơ quan, điện thoại, thư điện tử cho Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường khi có thay đổi về những thông tin này;

c) Thống kê, lưu giữ hồ sơ liên quan đến cấp COA theo quy định của pháp luật về thống kê, lưu trữ; cung cấp thông tin, hồ sơ phục vụ kiểm tra khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền;

d) Thông báo đến tổ chức, cá nhân và cơ quan có thẩm quyền về việc thu hồi COA đã cấp trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này, cập nhật thông tin hiệu lực của COA khi có thay đổi;

đ) Tổ chức kiểm tra các hoạt động xuất khẩu thủy sản, sản phẩm thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ theo các thông tin trong hồ sơ khai báo của tổ chức, cá nhân để cấp COA.

3.[8] Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp COA có trách nhiệm:

a) Chuẩn bị hồ sơ, kê khai đầy đủ thông tin, nộp đầy đủ hồ sơ, chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin đã khai báo;

b) Lưu giữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu, bằng chứng để chứng minh nguồn gốc thủy sản từ khai thác nhập khẩu vào Việt Nam, nguyên liệu khai thác trong nước được sử dụng để chế biến xuất khẩu vào Hoa Kỳ trong thời hạn tối thiểu 36 tháng kể từ ngày được cấp COA;

c) Thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc thuỷ sản đảm bảo truy xuất được các nguồn nguyên liệu, các lô nguyên liệu khác nhau được tiếp nhận, bảo quản, đưa vào chế biến và xuất khẩu; đảm bảo truy xuất được giữa hồ sơ giám sát sản xuất với thực tế hoạt động sản xuất, bảo quản và xuất khẩu; cung cấp thông tin theo dõi nguyên liệu đã sử dụng để chế biến, xuất khẩu theo từng hồ sơ nhập khẩu nguyên liệu trong trường hợp Cơ quan có thẩm quyền cấp COA yêu cầu.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp [9]

1. Trường hợp tổ chức, cá nhân xuất khẩu thủy sản, sản phẩm thủy sản có sử dụng nguyên liệu được khai thác trước trước ngày 26/12/2025 mà không có các thành phần hồ sơ theo yêu cầu tại Điều 6 Thông tư này thì nộp Đơn đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này (không bắt buộc kê khai mục Thông tin nguồn gốc tại Bảng kê thông tin đề nghị cấp COA) và bản sao hóa đơn tài chính hoặc bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ theo quy định (đối với trường hợp thu mua trực tiếp từ người khai thác, nuôi trồng thủy sản trong nước là đối tượng không phải xuất hóa đơn theo quy định) để chứng minh thời gian thu mua nguyên liệu phục vụ chế biến, xuất khẩu.

---

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

[9] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

2. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ để giải quyết theo thủ tục hành chính trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa có kết quả giải quyết thủ tục hành chính thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận; trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định của Thông tư này.

Điều 12. Điều khoản thi hành[10]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 12 năm 2025.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét quyết định./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Võ Văn Hưng

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ Pháp chế (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để đăng tải);
- Lưu: VT, TSKN.

---

[10] Điều 5 của Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2026 quy định như sau:

"Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét quyết định./."

Phụ lục I[11]

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP/CẤP LẠI/SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THÔNG TIN{1} GIẤY CHỨNG NHẬN THỦY SẢN, SẢN PHẨM THỦY SẢN ĐẠT YÊU CẦU XUẤT KHẨU VÀO HOA KỲ (COA)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 74 /2025/TT-BNNMT ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Kính gửi: [Tên cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh nơi nộp hồ sơ]

Tên tổ chức/cá nhân đề nghị:……

Số định danh cá nhân/Số Thẻ căn cước/Số Căn cước công dân/Giấy đăng ký kinh doanh/giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số:…….....

Tên cơ quan cấp: …….Ngày cấp: ……

Địa chỉ:……

Điện thoại: …… Email: ……

Đề nghị .... [tên cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh nơi nộp hồ sơ]..... cấp/cấp lại/sửa đổi, bổ sung thông tin Giấy chứng nhận thủy sản, sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu xuất khẩu vào Hoa Kỳ (COA) theo các thông tin được kê khai tại phụ lục kèm theo văn bản này.

Chúng tôi xin cam kết thủy sản, sản phẩm thủy sản được sử dụng từ nguồn nguyên liệu trong nước đáp ứng các quy định của pháp luật Việt Nam hoặc nguyên liệu nhập khẩu đáp ứng các quy định của quốc gia xuất khẩu và yêu cầu của nước nhập khẩu. Nếu có phát hiện hoặc chứng minh thông tin đề nghị không đúng sự thật, chúng tôi sẵn sàng chịu trách nhiệm trước pháp luật theo các quy định hiện hành./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ/CÁ NHÂN
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

{1}: Ghi cụ thể nội dung đề nghị cấp hay cấp lại hay sửa đổi hay bổ sung thông tin

[11] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

BẢNG KÊ THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ CẤP COA

(Ban hành kèm theo Văn bản số ... ngày .... tháng .... năm .... của ....[tên tổ chức, cá nhân])

Mã HTS Hoa Kỳ, Mô tả loài và hình thức sản phẩm/ *U.S. Harmonized Tariff Schedule Number, Species Description, and Product Form*	**Khối lượng sản phẩm/ *Weight***	**Khối lượng nguyên liệu/ *Material weight***	**Nghề/Ngư cụ sử dụng/ *Fishing Gear Used***	**Quốc tịch tàu cá/ *Vessel Flag***	**Tên tàu và số hiệu tàu cá/ *Vessel Name(s) and Number(s)***	**Thông tin nguồn gốc/*Traceability Information* ***				
						Số Giấy biên nhận sản phẩm bốc dỡ qua cảng (nếu có)/ *Landing Statement Number (if any)*	**Số Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác (nếu có)/*Statement of Compliance Number (if any)***	**Số Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (nếu có)/*Catch Certificate Number (if any)***	**Số giấy COA (nếu có)/*COA Number (if any)***	**Thông tin hồ sơ/giấy tờ khác (đối với các trường hợp còn lại)/ *Other profile information/ documentations***
(1)*	(2)*	(3)*	(4)*	(5)*	(6)*	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

Ghi chú: .....[nêu lý do đối với trường hợp cấp lại/sửa đổi, bổ sung thông tin, nêu rõ thông tin sửa đổi, bổ sung, thay thế COA nào đã được cấp].....

Hướng dẫn ghi:

(1) Mã HTS Hoa Kỳ, Mô tả loài và hình thức sản phẩm

- Nhập số Biểu thuế Hài hòa của Hoa Kỳ (HTS) của thủy sản hoặc sản phẩm thủy sản, mô tả loài thủy sản và hình thức sản phẩm bằng tiếng Anh.

+ Các số HTS được nêu tại mục (1) phải phù hợp với Mã HTS đang được áp dụng tại Hoa Kỳ hoặc Mã HS theo thông lệ quốc tế nhưng không được làm sai khác về bản chất nguyên liệu đã sử dụng. Tổ chức, cá nhân phải đảm bảo tính thống nhất của mã HTS với tài liệu, hồ sơ kèm theo đã nộp cho cơ quan thẩm quyền của nước nhập khẩu.

+ Các số HTS cho cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và các động vật không xương sống dưới nước khác có thể được tìm thấy tại: https://hts.usitc.gov/.

+ Để tra cứu thông tin thủy sản và sản phẩm thủy sản đó có thuộc trường hợp phải có Giấy COA hay không thực hiện như sau:

Cách 1. Tra cứu trực tiếp từ danh sách NOAA đã công bố trên cổng thông tin điện tử của NOAA (https://www.fisheries.noaa.gov/resource/outreach-materials/harmonized-tariff-codes-and-other-resources-marine-mammal-protection)

Cách 2. Gửi thông tin, xác nhận lại từ đối tác nhập khẩu của Hoa Kỳ về việc sản phẩm thủy sản dự kiến nhập có thuộc trường hợp yêu cầu cần có COA hay không.

Lưu ý: Danh sách này có thể thay đổi theo thời gian vì vậy cần liên tục cập nhật để đảm bảo khi nhập khẩu có đầy đủ COA.

- Cách ghi thông tin cụ thể theo định dạng như sau: **AAAA/BBBB/CCCC**

Trong đó: AAAA: là mã HTS sản phẩm.

BBBB: là tên loài (có thể bao gồm tên tiếng anh, tên khoa học hoặc mã 3 chữ số alpha của tên loài).

CCCC: là dạng sản phẩm (đông lạnh, tươi sống, chế biến,…) phù hợp với mã HTS.

(2) Khối lượng sản phẩm (weight) - Nhập tổng khối lượng tịnh của sản phẩm và đơn vị tính (bằng kilogam hoặc đơn vị đo khác theo yêu cầu của nhà nhập khẩu).

Lưu ý: đây là khối lượng của sản phẩm, không phải khối lượng của nguyên liệu chế biến sản phẩm đó, sử dụng đơn vị tính nào thì ghi rõ.

Trường hợp cùng một sản phẩm có thể ghi tổng khối lượng theo lô hàng, không cần phân chia theo nguồn gốc nguyên liệu.

(3) Khối lượng nguyên liệu – Nhập khối lượng của nguyên liệu đã sử dụng để chế biến sản phẩm, phù hợp với chất lượng sản phẩm đã công bố.

Trường hợp cùng một sản phẩm, có thể ghi tổng khối lượng nguyên liệu theo từng tàu cá hoặc nhóm tàu cá, phụ thuộc vào hồ sơ nguồn gốc đã nộp kèm.

(4) Nghề/Ngư cụ sử dụng– Ghi thông tin nghề/ngư cụ được sử dụng để khai thác thủy sản dưới dạng mã nghề theo hướng dẫn của Hoa Kỳ.

Trường hợp hồ sơ kèm theo có ghi thông tin mã nghề khác với các quy định của Hoa Kỳ (ví dụ mã nghề theo Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc - FAO hoặc Liên minh Châu Âu - EU hoặc Tiêu chuẩn Việt Nam) thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ được phép quy đổi sang mã nghề theo yêu cầu của Hoa Kỳ nhưng không được làm sai khác bản chất của nghề/ngư cụ đã sử dụng và phù hợp với giấy phép khai thác thủy sản được cấp.

- Tham khảo bảng mã nghề/ngư cụ của Hoa Kỳ đã công bố tại (https://www.fisheries.noaa.gov/resource/outreach-materials/harmonized-tariff-codes-and-other-resources-marine-mammal-protection) hoặc thông tin được đăng tải lại trên cổng thông tin điện tử của Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Nếu là sản phẩm có nguồn gốc từ nuôi trồng điền thông tin: AQ.

- Trường hợp không sử dụng ngư cụ để khai thác thủy sản thì điền thông tin: UNC (trong đó UNC là Unclassified: Gears not reported or Unspecified method). Trường hợp cần thiết có thể mô tả ngắn ngọn phương thức khai thác thể hiện đúng bản chất của hoạt động khai thác loài đó.

(5) Quốc tịch tàu cá

- Nhập quốc gia theo luật mà tàu cá hoạt động, hoặc đối với các tàu thuê được chứng nhận, nhập quốc gia đã chấp nhận trách nhiệm đối với các hoạt động đánh bắt của tàu.

- Nếu là nuôi trồng thủy sản thì nhập quốc gia nơi cơ sở/trại nuôi đó đặt tại.

- Nhập quốc gia nơi khai thác thủy sản đối với trường hợp không sử dụng tàu cá để khai thác thủy sản.

(6) Tên tàu và số hiệu tàu cá

- Nhập tên tàu cá (đối với tàu nước ngoài)/số đăng ký tàu cá.

- Nếu là nuôi trồng thủy sản, nhập tên cơ sở/ trại nuôi/công ty.

- *Nếu là nguyên liệu được thu mua từ tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản, tổ chức, cá nhân vẫn phải ghi đầy đủ thông tin của tàu khai thác thủy sản, nghề/ngư cụ của tàu khai thác thủy sản đã sử dụng (không ghi thông tin của tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản). Trường hợp này, tổ chức, cá nhân phải cung cấp thêm thông tin nhật ký thu mua, chuyển tải.*

(7) Số Giấy biên nhận sản phẩm bốc dỡ qua cảng (nếu có): Ghi thông tin số Giấy biên nhận sản phẩm bốc dỡ qua cảng do cơ quan quản lý cảng cá cấp.

(8) Số Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác (nếu có): Ghi thông tin số Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác do cơ quan quản lý cảng cá hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp.

(9) Số Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (nếu có): Ghi thông tin số Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác do cơ quan quản lý cảng cá cấp (bao gồm cả trường hợp khai thác trong nước và nhập khẩu nguyên liệu).

(10) Số giấy COA (nếu có): Ghi thông tin số giấy COA do cơ quan nước xuất khẩu nguyên liệu thủy sản cấp, trường hợp giấy COA không có số ký hiệu, ghi thông tin nước cấp và ngày cấp. Ví dụ: Mexico cấp ngày 26/12/2025.

(11) Thông tin hồ sơ/giấy tờ khác (đối với các trường hợp còn lại): Trường hợp sử dụng các hồ sơ/giấy tờ còn lại khác với mục (7) (8) (9) (10) thì ghi số ký hiệu của giấy tờ đó, ví dụ: Số Giấy phép khai thác thủy sản và ngày của Giấy chứng nhận thuyền trưởng…

Lưu ý: Các thông tin đánh dấu * là bắt buộc. Ở mục thông tin nguồn gốc, tổ chức, cá nhân phải kê khai thông tin ở một trong năm mục (7) (8) (9) (10) (11) hoặc kết hợp một trong năm mục đó tương ứng với hồ sơ đã nộp.

Phụ lục II [12]

OMB Control No: ……
Expiration Date: …….

QR CODE

Serial No: ……..

CERTIFICATION OF ADMISSIBILITY

Nations subject to trade restrictions for fishery products pursuant to the High Seas Driftnet Fishing Moratorium Protection Act or the Marine Mammal Protection Act

For fish or fish products for which a certificate of admissibility is required, a shipment of fish or fish products in any form from a nation subject to an import restriction, offered for entry to the United States, is eligible for entry only when accompanied by this completed and certified form attached to the invoice and/or shipping documents. An authorized official or agent of the exporting nation must complete the information below:

Exporter:……
Address:……
Tel:.....
Email:……

U.S. Harmonized Tariff Schedule Number, Species Description, and Product Form	Weight	Fishing Gear Used	Vessel Flag	Vessel Name(s) and Number(s

As a duly authorized official/agent of the Government of The Socialist Republic of Viet Nam, I do hereby certify, to the best of my knowledge and belief, that the fish/fish products in this shipment are of species of fish or fish products, or from fisheries, that are not subject to an import restriction of the United States under the authority of the High Seas Driftnet Fishing Moratorium Protection Act or the Marine Mammal Protection Act.

_____ _____

Printed Name (Exporting Government Agent) Signature Date

Name (Exporting Government Official) and Address: Telephone: _____

_____ Email:_____

_____

U.S. IMPORTER CERTIFICATION

As the Importer of Record/Agent, I do hereby certify, to the best of my knowledge and belief, that the information on this form accurately describes the fish/fish products contained in this shipment

U.S. Customs Entry Number: _____ _____

Printed Name (U.S. Importer of Record/Agent) Signature Date

Address: _____ Telephone: _____

Email: _____

[12] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT, có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

Within 24 hours after the shipment is released from U.S. Customs, importers must certify and submit a copy of this form to NMFS through the Customs and Border Protection Automated Commercial Environment.

Submission of this form is mandatory for imports of seafood subject to trade restrictions in order to meet the requirements of 50 CFR 300, Subpart N or as required under 50 CFR 216, Subpart C. Data submitted based on this information collection will be accorded confidentiality pursuant to 50 CFR Part 600, Subpart E. Public reporting burden for this collection of information is estimated to be 10 minutes. This estimate includes the time for reviewing instructions, searching existing data sources, gathering and maintaining the data needed, and completing and reviewing the collection of information. Send comments regarding this burden estimate or any other aspect of reducing this burden, to the Office of International Affairs and Seafood Inspection, National Marine Fisheries Service, 1315 East West Highway, Silver Spring, Maryland 20910. Notwithstanding any other provision of law, no person is required to respond to, nor shall any person be subject to a penalty for failure to comply with, a collection of information subject to the requirements of the Paperwork Reduction Act, unless that collection of information displays a currently valid OMB Control Number.

HƯỚNG DẪN ĐIỀN THÔNG TIN COA

OMB Control No: aaaa-bbbb (1b)
Expiration Date: …….(1c)

Serial No: VN-YYY-COA-ZZZZ-XXXXX.OO (1)

QR CODE (1a)

CERTIFICATION OF ADMISSIBILITY (COA)

Nations subject to trade restrictions for fishery products pursuant to the High Seas Driftnet Fishing Moratorium Protection Act or the Marine Mammal Protection Act/*Các quốc gia chịu hạn chế thương mại đối với sản phẩm thủy sản theo Đạo luật thực thi nghề cá bằng lưới Rê vùng biển khơi hoặc Đạo Luật Bảo tồn thú biển của Hoa Kỳ*

For fish or fish products for which a certificate of admissibility is required, a shipment of fish or fish products in any form from a nation subject to an import restriction, offered for entry to the United States, is eligible for entry only when accompanied by this completed and certified form attached to the invoice and/or shipping documents. An authorized official or agent of the exporting nation must complete the information below/*Đối với thủy sản hoặc sản phẩm thủy sản cần có Giấy chứng nhận, mọi lô hàng thủy sản hoặc sản phẩm thủy sản từ một quốc gia chịu hạn chế khi nhập khẩu vào Hoa Kỳ dưới bất kỳ hình thức nào chỉ được phép thông quan khi kèm theo mẫu đơn này, đã được điền đầy đủ thông tin và được chứng thực, đính kèm với hóa đơn và/hoặc chứng từ vận chuyển. Một cơ quan hoặc cán bộ được ủy quyền của quốc gia xuất khẩu phải điền thông tin dưới đây.*

Exporter/tên tổ chức, cá nhân: (2)
Address/địa chỉ: (3)
Tel/điện thoại: (4) Email/thư điện tử: (5)

U.S. Harmonized Tariff Schedule Number, Species Description, and Product Form/ ***Mã HTS Hoa Kỳ, Mô tả loài và hình thức sản phẩm***	**Weight/** ***Khối lượng***	**Fishing Gear Used/** ***Nghề/Ngư cụ sử dụng***	**Vessel Flag/*Quốc tịch tàu cá***	**Vessel Name(s) and Number(s)/** ***Tên tàu và số hiệu tàu cá***
(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

As a duly authorized official/agent of the Government of The Socialist Republic of Viet Nam, I do hereby certify, to the best of my knowledge and belief, that the fish/fish products in this shipment are of species of fish or fish products, or from fisheries, that are not subject to an import restriction of the United States under the authority of the High Seas Driftnet Fishing Moratorium Protection Act or the Marine Mammal Protection Act/*Là cơ quan/cán bộ được ủy quyền của Chính phủ Việt Nam, theo hiểu biết và niềm tin, tôi xin chứng nhận rằng thủy sản/sản phẩm thủy sản trong lô hàng này là sản phẩm thủy sản từ mã nghề cá không thuộc danh mục bị hạn chế nhập khẩu của Hoa Kỳ.*

_____(11)_____ _____(12)_____(13)____

Printed Name (Exporting Government Agent)/*Tên in hoa (cán bộ của Chính phủ* Signature/*Chữ ký* Date/*Ngày*

Telephone/*Điện thoại*: ___(14)_____

nước xuất khẩu) Email: _____(15)_____

Name (Exporting Government Official) and Address/*Tên (cơ quan xác nhận) và địa chỉ:* _____(16)_____

U.S. IMPORTER CERTIFICATION/*Chứng nhận của nhà nhập khẩu Hoa Kỳ*

As the Importer of Record/Agent, I do hereby certify, to the best of my knowledge and belief, that the information on this form accurately describes the fish/fish products contained in this shipment/*Là nhà nhập khẩu chính thức/đại lý, theo hiểu biết và niềm tin, tôi xin cam đoan thông tin trên mẫu đơn này mô tả chính xác thủy sản/sản phẩm thủy sản trong lô hàng này:*

U.S. Customs Entry Number/Số hồ sơ hải quan Hoa Kỳ/: _____

_____ _____

Printed Name (U.S. Importer of Record/Agent)/*Tên in hoa (Nhà nhập khẩu/Đại lý)*

Signature/*Chữ ký* Date/*Ngày*

Telephone/*Điện thoại:* _____

Address/ *Địa chỉ:* _____

Email: _____

Within 24 hours after the shipment is released from U.S. Customs, importers must certify and submit a copy of this form to NMFS through the Customs and Border Protection Automated Commercial Environment./*Trong vòng 24 giờ sau khi lô hàng được thông quan bởi Hải quan Hoa Kỳ, nhà nhập khẩu phải chứng nhận và nộp bản sao của mẫu đơn này cho Cục Thuỷ sản quốc gia thông qua môi trường Thương mại tự động của Cơ quan Hải quan và Lực lượng Bảo vệ bờ biển*

Submission of this form is mandatory for imports of seafood subject to trade restrictions in order to meet the requirements of 50 CFR 300, Subpart N or as required under 50 CFR 216, Subpart C. Data submitted based on this information collection will be accorded confidentiality pursuant to 50 CFR Part 600, Subpart E. Public reporting burden for this collection of information is estimated to be 10 minutes. This estimate includes the time for reviewing instructions, searching existing data sources, gathering and maintaining the data needed, and completing and reviewing the collection of information. Send comments regarding this burden estimate or any other aspect of reducing this burden, to the Office of International Affairs and Seafood Inspection, National Marine Fisheries Service, 1315 East West Highway, Silver Spring, Maryland 20910. Notwithstanding any other provision of law, no person is required to respond to, nor shall any person be subject to a penalty for failure to comply with, a collection of information subject to the requirements of the Paperwork Reduction Act, unless that collection of information displays a currently valid OMB Control Number/ *Việc nộp đơn này là bắt buộc đối với các lô hàng thuỷ sản chịu hạn chế thương mại để đáp ứng yêu cầu của Điều 50 CFR 300, điểm N hoặc theo yêu cầu của Điều 50 CFR 216, điểm C. Thông tin thu thập được trên cơ sở mẫu đơn này sẽ được bảo mật theo Điều 50 CFR Phần 600, điểm E. Thời gian báo cáo công khai cho việc thu thập thông tin này ước tính là 10 phút, bao gồm thời gian rà soát hướng dẫn, tra cứu các nguồn dữ liệu hiện có, thu thập và lưu giữ dữ liệu cần thiết, cũng như hoàn tất và xem xét việc thu thập thông tin. Vui lòng gửi ý kiến liên quan đến ước tính thời gian này hoặc bất kỳ khía cạnh nào khác của việc cắt giảm khối lượng công việc này đến Văn phòng Hợp tác quốc tế và Thanh tra thuỷ sản, Cơ quan Thủy sản Quốc gia, 1315 East West Highway, Silver Spring, Maryland 20910. Bất kể các quy định pháp luật nào khác, không cá nhân nào bắt buộc phải trả lời hoặc bị xử phạt vì không tuân thủ việc thu thập thông tin theo các yêu cầu của Đạo luật Giảm thiểu Thủ tục Giấy tờ (Paperwork Reduction Act), trừ khi mẫu thu thập thông tin đó hiển thị số kiểm soát OMB hiện hành..*

HƯỚNG DẪN GHI THÔNG TIN:

(1) Số: VN-YYY-COA-ZZZZ-XXXXX.OO: cơ quan có thẩm quyền cấp COA ghi số ký hiệu để theo dõi, thống kê, bao gồm các thông tin:

- VN - là ký hiệu quốc gia Việt Nam (giữ nguyên khi cấp).

- YY - là ký hiệu tỉnh (theo mã tỉnh đã được công bố).

- COA – là ký hiệu giấy chứng nhận (giữ nguyên khi cấp).

- ZZZZ – là năm cấp COA.

- XXXXX – là số thứ tự COA do đơn vị cấp, ký hiệu này gồm 5 chữ số.

- OO – là số ký hiệu bổ sung: (1) trường hợp cấp mới thì không cần thêm thông tin OO); (2) Trường hợp cấp lại, sửa đổi, bổ sung thì giữ nguyên thông tin số ký hiệu như tờ COA đã cấp và thêm các số ký hiệu cụ thể như sau:

+ Trường hợp sửa đổi, bổ sung thông tin trên COA đã cấp thì thêm thông tin "Sx" (trong đó x là số lần sửa đổi, bổ sung);

+ Trường hợp cấp lại COA thì thêm thông tin "Rx" (trong đó x là số lần cấp lại).

Giấy COA đã cấp hết hiệu lực sử dụng kể từ ngày cấp lại, sửa đổi, bổ sung bằng COA mới.

(1a) là mã QR code của COA, phục vụ để tra cứu hiệu lực, giá trị sử dụng (nếu có).

(1b) Số ký hiệu kiểm soát OMB của Hoa Kỳ: số ký hiệu do Hoa Kỳ công bố kèm theo mẫu COA tùy theo từng thời điểm.

(1c) Hiệu lực của mẫu giấy COA: Hiệu lực của mẫu giấy COA do Hoa Kỳ công bố tùy theo từng thời điểm.

(2) Tên tổ chức, cá nhân: Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp COA

(3) Địa chỉ: Địa chỉ liên hệ chính hoặc địa chỉ theo đăng ký của tổ chức, cá nhân

(4) Điện thoại: Số điện thoại liên hệ chính của tổ chức, cá nhân

(5) Email: thông tin địa chỉ hòm thư điện tử của tổ chức, cá nhân đề xuất

(6) Mã HTS Hoa Kỳ, Mô tả loài và hình thức sản phẩm: ghi lại đúng thông tin tổ chức/cá nhân đã ghi trong đơn đề nghị sau khi thẩm định phù hợp.

(7) Khối lượng - ghi thông tin khối lượng sản phẩm và đơn vị tính (không phải thông tin khối lượng nguyên liệu) đúng theo tổ chức/cá nhân đã ghi trong đơn đề nghị sau khi thẩm định phù hợp.

(8) Nghề/Ngư cụ sử dụng - ghi thông tin sau khi thẩm định phù hợp.

(9) Quốc tịch tàu cá - ghi thông tin sau khi thẩm định phù hợp.

(10) Tên và số hiệu tàu - ghi thông tin sau khi thẩm định phù hợp

(11) Tên in hoa (cán bộ của Chính phủ nước xuất khẩu): là tên và chức danh của người có thẩm quyền tại địa phương đã được đăng ký với Hoa Kỳ.

(12) Chữ ký: là chữ ký của người có thẩm quyền đã được đăng ký với Hoa Kỳ kèm dấu của cơ quan có thẩm quyền cấp COA.

(13) Ngày: ghi ngày thực tế khi xác nhận.

(14) Điện thoại: thông tin điện thoại đã được đăng ký với Hoa Kỳ

(15) Email: thông tin địa chỉ thư điện tử đã được đăng ký với Hoa Kỳ

(16) Tên (cơ quan xác nhận) và địa chỉ: ghi tên cơ quan đã được đăng ký với Hoa Kỳ, kèm theo địa chỉ bằng tiếng anh.

Lưu ý: Thông tin mục (11) (12) (14) (15) (16) trên giấy xác nhận phải trùng khớp với danh sách đăng ký cơ quan chỉ định đã được Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường cung cấp cho NOAA hoặc cập nhật bổ sung và được Hoa Kỳ công bố trên trang thông tin điện tử: https://www.fisheries.noaa.gov/international-affairs/certification-admissibility-authorized-officials-under-mammal-protection-act